TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hạnh.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguỵ Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17/ 7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2020 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cái Thị Kim T, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc Hoàng K, sinh năm: 1991; Trú tại: Tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Cái Thị Kim T trình bày: Chị T và anh K tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 27/11/2013 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn vợ chồng về cư trú, sinh sống và làm ăn tại tổ dân phố T, phường A, thị xã B. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xãy ra cải vã, xích mích lẫn nhau. Anh K thường xuyên đi vắng khỏi nhà, lúc đi lúc về không còn quan tâm tới nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị T yêu cầu ly hôn với anh K để giải thoát cho nhau. Về con chung, chị T và anh K không có con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quốc Hoàng K thường xuyên đi vắng khỏi địa phương, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh K cư trú chính quyền địa phương cho biết anh khải thường xuyên đi vắng, lúc đi lúc về, khi đi không báo báo tạm vắng cho chính quyền địa phương biết đi đâu làm gì địa phương không rõ. Toà án đã thực hiện việc niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cũng như đã triệu tập anh K nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng anh K vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, nên toà án giải quyết vắng mặt anh khải theo luật định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn cố tình trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên toà đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên toà.

Về nội dung vụ án, chị T và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật từ năm 2013. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh K. Về con chung: không có. Về tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Quốc Hoàng K thường xuyên đi vắng khỏi địa phương, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh K cư trú chính quyền địa phương cho biết anh khải thường xuyên đi vắng, lúc

đi lúc về, khi đi không báo báo tạm vắng cho chính quyền địa phương biết đi đâu làm gì địa phương không rõ. Toà án đã thực hiện việc niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cũng như đã triệu tập anh khải nhiều lần đến toà giải quyết vụ án nhưng anh K vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, nên không thể hoà giải đoàn tụ được theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vắng mặt lần thứ hai, việc vắng mặt của anh K là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 27/11/2013 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn vợ chồng về cư trú, sinh sống và làm ăn tại tổ dân phố T, phường A, thị xã B. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xãy ra cải vã, xích mích lẫn nhau. Anh K thường xuyên đi vắng khỏi nhà, lúc đi lúc về không còn quan tâm tới nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn, còn anh K vắng mặt nên toà án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ cho hai vợ chồng được. Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy rằng: Mâu thuẩn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, thời gian sống hạnh phúc ngắn, thời gian ly thân đã quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tuổi đời các bên còn trẻ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh K chưa có con chung.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, còn anh K không có ý kiến nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 228, , khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cái Thị Kim T.

-*Về hôn nhân*: Cho chị Cái Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Quốc Hoàng K.

-*Về con chung:* Chị T và anh K không có con chung nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị T không yêu cầu còn anh K không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Cái Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004809 ngày 21/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tx Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS tx Buôn Hồ;*
- *UBND xã Ea Yông, huyện Krông Păk ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

HOÀNG MINH CHỨC